



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN.....: 2013/BNNPTNT

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y ĐỐI VỚI CƠ SỞ CHĂN NUÔI ONG
ĐẢM BẢO AN TOÀN THỰC PHẨM
National technical regulation on
Hygiene requirement for

HÀ NỘI - 2013

Lời nói đầu

QCVN.....:2013/BNNPTNT Cục Thú y biên soạn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trình duyệt và được ban hành theo Thông tư số/2013/TT-BNN ngày....tháng....năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y ĐỐI VỚI CƠ SỞ CHĂN NUÔI ONG
ĐẢM BẢO AN TOÀN THỰC PHẨM**

National technical regulation of Hygiene requirement for

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định về điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở chăn nuôi ong lấy mật trên lãnh thổ Việt Nam.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có hoạt động chăn nuôi ong lấy mật trên lãnh thổ Việt Nam.

1.3. Tiêu chuẩn viện dẫn

1.3.1 Thông tư số 23/2009/TT-BNN ngày 29/4/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành quy định kiểm tra, giám sát vệ sinh thú y đối với sản xuất, kinh doanh mật ong.

1.3.2. Thông tư số 52/2009/TT-BNNPTNT ngày 21/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành danh mục thuốc thú y được phép sử dụng trong chăn nuôi ong.

1.3.3 Quyết định 46/2005/QĐ-BNNPTNT ngày 25/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục đối tượng kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; Danh mục động vật, sản phẩm động vật thuộc diện phải kiểm dịch.

1.3.4. Thông tư số 10/2012/TT-BNNPTNT ngày 22/2/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, hạn chế sử dụng, cấm sử dụng ở Việt Nam.

1.3.5. Thông tư số 15/2012/TT-BNNPTNT ngày 30/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục bổ sung thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam.

1.3.6. QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

1.4 Giải thích từ ngữ

Trong Quy chuẩn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.4.1. Dụng cụ, thiết bị nuôi ong, lấy mật ong bao gồm tất cả các vật dụng và công cụ và máy móc tham gia vào quá trình chăn nuôi ong, thu hoạch và bảo quản mật ong: VD: thùng ong, thùng nhân giống, khung cầu, nền sáp (tầng chân), máng cho ong ăn, uống; dụng cụ khai thác mật như dao cắt vít nắp, thùng quay, lưới lọc; dụng cụ chứa đựng như can, thùng chứa mật ong....

1.4.2. Chất thải trong chăn nuôi ong: bao gồm chất thải rắn và chất thải lỏng phát sinh trong quá trình chăn nuôi ong và thu hoạch mật ong: VD:thùng ong, cầu ong, nền sáp (tầng chân), máng cho ăn-uống, can chứa chất lỏng bị thải loại và xác ong hoặc các bộ phận của con ong)...., chất thải lỏng: nước rửa thùng ong, dụng cụ chăn nuôi ong)

2. QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

2.1. Quy định chung

Sản phẩm mật ong được sản xuất bởi các cơ sở chăn nuôi ong phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật tương ứng theo Quy định của Bộ Y tế (QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm)

2.2 Yêu cầu đối với địa điểm nuôi ong

2.2.1. Địa điểm chăn nuôi ong phải ở nơi có không gian rộng rãi, trong sạch. Không được đặt ở trong vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi khói, bụi, hóa chất độc hại của nhà máy xí nghiệp, các trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các nguồn gây ô nhiễm như bãi rác, khu chứa nước thải, cống rãnh, nhà vệ sinh công cộng, khu dân cư như trường học, bệnh viện, vùng công bố có dịch bệnh hoặc bị ô nhiễm...

2.2.2. Địa điểm chăn nuôi ong cần đặt tại trung tâm các nguồn cung cấp mật, phấn hoa (rừng, vùng cây công nghiệp, cây ăn quả), tránh các khu vực mà nguồn cung cấp phấn hoa có nguy cơ ô nhiễm hóa chất.

2.2.3. Phải đặt thùng ong ở nơi cao ráo, thoáng mát, đảm bảo vệ sinh.

2.2.4. Khu vực quay mật phải được bố trí riêng biệt với khu vực đặt thùng ong, khu vực bảo quản sản phẩm. Nền của khu vực quay mật phải được lát gạch, bê tông, sàn gỗ hoặc bạt nylon và được làm sạch thường xuyên để đảm bảo vệ sinh.

2.3. Trang thiết bị, dụng cụ

2.3.1. Yêu cầu chung: Có đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho chăn nuôi ong, khai thác mật ong. Các dụng cụ trên được làm từ các vật liệu như thép không gỉ hoặc nhựa nguyên chất,... không gây độc hại, ô nhiễm cho mật ong. Bề mặt tiếp xúc của các dụng cụ, thiết bị đảm bảo không thấm nước, dễ vệ sinh khử trùng tiêu độc

2.3.2. Dụng cụ chăn nuôi ong phải được vệ sinh sạch sẽ thường xuyên trước và sau khi sử dụng, bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ.

2.3.3. Dụng cụ quay mật cần phải được vệ sinh sạch sẽ trước và sau mỗi ngày quay mật.

2.4. Vận chuyển và bảo quản mật ong

2.4.1. Dụng cụ chứa đựng và bảo quản mật ong: phải được làm từ các chất không gỉ, không thôi nhiễm và đảm bảo vệ sinh trước khi đựng mật ong. Các dụng cụ này phải có nắp đậy kín.

2.4.2. Không được sử dụng các phương tiện vận chuyển phân bón và hóa chất để vận chuyển mật ong.

2.4.3. Phải bảo quản mật ong tại nơi khô ráo, thoáng mát và đảm bảo vệ sinh.

2.5. Nước sử dụng trong chăn nuôi ong

2.5.1. Nước vệ sinh các trang thiết bị dụng cụ: Đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số 02:2009/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt.

2.5.2. Đối với nước cho ong uống: đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số 01:2009/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống.

2.5.3. Nguồn nước phải được kiểm tra định kỳ ít nhất mỗi năm 1 lần.

2.6. Yêu cầu đối với người chăn nuôi ong

2.6.1. Những người tham gia vào quá trình chăn nuôi ong phải có giấy khám sức khỏe còn hiệu lực để chứng minh không mắc các bệnh Bộ Y tế đã qui định đối với những người tham gia sản xuất, chế biến thực phẩm.

2.6.3. Người nuôi ong phải mặc đồ bảo hộ lao động phù hợp trong quá trình chăn nuôi ong.

2.6.4. Người trực tiếp tham gia nuôi ong phải được tập huấn kỹ thuật chăn nuôi và phòng chống dịch bệnh cho đàn ong.

2.7. Quản lý đàn ong

2.7.1. Phải có cán bộ thú y (được cấp chứng chỉ hành nghề) để theo dõi tình hình dịch bệnh và có thể áp dụng các biện pháp phòng, trị bệnh cho đàn ong.

2.7.2. Có sổ nhật ký theo dõi nguồn phấn hoa, nguồn cây lấy mật, phần của đàn ong, sổ nhật ký theo dõi việc lưu chuyển đàn ong, mật ong trong quá trình chăn nuôi ong và thu gom mật ong.

2.7.3. Khi di chuyển đàn ong phải có giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan thú y có thẩm quyền không cấp theo thông tư quy định về kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật

2.7.4. Phải ghi chép đầy đủ các thông tin về dịch bệnh và việc sử dụng thuốc để phòng, trị bệnh cho đàn ong

2.7.5. Chỉ được điều trị bệnh cho ong theo đơn thuốc của bác sỹ thú y

2.7.6. Phải lưu văn bản hướng dẫn về việc sử dụng thuốc phòng, trị bệnh cho đàn ong tại nơi nuôi ong .

2.7.7. Không được thu hoạch mật ong trong thời gian ong bị bệnh.

2.8. Quản lý chất thải và bảo vệ môi trường

Chất thải trong chăn nuôi ong phải được thu gom và xử lý thường xuyên.

2.9. Kiểm soát côn trùng và động vật gây hại

Có biện pháp kiểm soát côn trùng, động vật và các loài ong hoang dã để làm giảm nguy cơ đàn ong nuôi bị tấn công, phá hoại và bị lây lan dịch bệnh.

2.10. Ghi chép, lưu giữ hồ sơ

2.10.1. Phải có sổ nhật ký theo dõi các loại vật tư như hóa chất, thuốc thú y, thức ăn và các dụng cụ chuyên dùng trong chăn nuôi và thu hoạch, thu gom, vận chuyển mật ong để phục vụ cho việc truy xuất nguồn gốc mật ong theo yêu cầu khách hàng hoặc cơ quan quản lý khi cần thiết.

2.10.2. Phải thường xuyên lấy mẫu gửi đi kiểm tra chất lượng mật ong do cơ sở mình sản xuất tới các phòng kiểm nghiệm có đủ năng lực kiểm nghiệm mật ong.

3. Thanh tra, kiểm tra

3.1. Cơ sở chăn nuôi ong chịu sự thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

3.2. Việc tiến hành thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm phải tuân thủ theo quy định hiện hành của pháp luật.

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Trách nhiệm của Cục Thú y

4.1.1. Triển khai hướng dẫn việc thực hiện Quy chuẩn này cho cán bộ phụ trách vệ sinh an toàn thực phẩm tại các Chi Cục thú y các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4.1.2. Tập huấn về phương pháp kiểm tra, đánh giá điều kiện vệ sinh thú y cơ sở chăn nuôi ong đảm bảo an toàn thực phẩm.

4.2. Trách nhiệm của các Chi cục Thú y

4.2.1. Chỉ đạo cơ sở chăn nuôi ong trong địa bàn phụ trách áp dụng quy chuẩn về điều kiện vệ sinh thú y bảo đảm an toàn thực phẩm đối sản phẩm mật ong.

4.2.2. Tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho các cơ sở chăn nuôi ong biết các quy định về phòng, chống dịch bệnh đối với đàn ong nuôi.

4.2.3. Theo dõi, giám sát dịch bệnh đàn ong trên địa bàn quản lý, theo dõi, giám sát việc sử dụng thuốc thú y, nếu phát hiện có dịch bệnh, tổ chức thực hiện các biện pháp chống dịch bệnh cho đàn ong trên địa bàn quản lý. Báo cáo kết quả thực hiện cho Cục Thú y

4.3. Trách nhiệm của các cơ sở chăn nuôi ong

4.4.1. Chịu sự quản lý, giám sát của các Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền về các hoạt động chăn nuôi ong.

4.4.2. Cung cấp tài liệu, thông tin có liên quan đến chăn nuôi ong, tạo điều kiện cho việc lấy mẫu phục vụ kiểm tra, giám sát chất lượng mật ong khi có yêu cầu.